TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số:100/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Nguyễn Ngọc Minh;
2- Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị Ph 35 tuổi
Địa chỉ: Thôn PT- xã V- huyện L- tỉnh Y, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ 33 tuổi
Địa chỉ: Thôn PT- xã V- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 09-6-2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nông Thị Ph trình bày: Chị và anh Hoàng Văn Đ kết hôn tháng 3 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau; cũng từ đây hai người sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn Đ có hai cháu là Hoàng Ngọc D sinh ngày 06-9-2010 và Hoàng Diệu A sinh ngày 12-7-2018; ly hôn chị sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Diệu A vì

cháu còn nhỏ, để anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ của ai.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn Đ vắng mặt nên Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn đã được triệu tập nhưng không có mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Nông Thị Ph được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ. Giao cháu Hoàng Diệu A cho chị Ph, giao cháu Hoàng Ngọc D cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Chị Nông Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Nông Thị Ph và anh Hoàng Văn Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã V- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Hoàng Văn Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; chị Nông Thị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt cả bị đơn và nguyên đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Ph và anh Hoàng Văn Đ kết hôn năm 2010, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Kết quả xác minh tại địa phương

cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị Ph- anh Đ không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau… Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qúa trình giải quyết vụ án Toà án đã ra văn bản thông báo và triệu tập nhiều lần nhằm hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Hoàng Văn Đ không có mặt tham gia các phiên hoà giải đã thể hiện không còn thiện chí tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa. Chị Nông Thị Ph khẳng đình tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Ph và anh Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị Ph có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nông Thị Ph và anh Hoàng Văn Đ có hai cháu là Hoàng Ngọc D sinh ngày 06-9-2010 và Hoàng Diệu A sinh ngày 12-7-2018. Qúa trình giải quyết vụ án chị Ph đề nghị được nuôi cháu Hoàng Diệu A, để anh Đ nuôi cháu Hoàng Ngọc D.

Xét hoàn cảnh thực tế cháu Hoàng Diệu A còn nhỏ và hiện đang ở cùng mẹ; cháu Hoàng Ngọc D thường xuyên ở cùng ông bà nội, trong biên bản lấy lời khai cháu D có nguyện vọng được ở với bố. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập, cần giao cháu Hoàng Diệu A cho chị Nông Thị Ph; giao cháu Hoàng Ngọc D cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Ph xác định không có.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị Ph phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nông Thị Ph được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Hoàng Diệu A sinh ngày 12-7-2018 cho chị Nông Thị Ph; giao cháu Hoàng Ngọc D sinh ngày 06-9-2010 cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nông Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị Ph đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0003596 ngày 09-6-2023.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô